

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/HNGĐ-ST  
Ngày: 02/05/2019  
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Dung

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Thanh Sơn và ông Nguyễn Văn Được.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Bà Đặng Thị Hường-Kiểm sát viên.

Ngày 02/5/2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 29/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Bà Trịnh Thị T-** SN: 1982 ( Có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn:* **Ông Phạm Văn T** - SN: 1983 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:***

Tôi và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ( nay là Hà Nội) vào năm 2002. Sau khi kết hôn chúng tôi đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông T có nhiều mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, tôi đã bỏ qua để vợ chồng chung sống làm ăn. Từ đó chúng tôi sống hòa thuận với nhau nhưng vào giữa năm 2018 ông T lại quay lại đường cũ và dọn ra ngoài sống chung với người phụ nữ khác tôi cũng đã làm đơn ly hôn tuy nhiên sau khi thụ lý đơn Tòa đã hòa giải và tôi đã đồng ý rút đơn để ông T sửa đổi. Từ tháng 11/2018 ông T đã gán ghép tôi với người khác và ghen

tuông vô cớ, đập phá đồ đạc và đánh đập tôi, ông T còn dọa nạt sẽ giết tôi. Mâu thuẫn chúng tôi ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Do vậy, tôi làm đơn và mong Tòa sớm giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Việc tôi làm đơn ly hôn tôi đã nói với ông T, tuy nhiên ông T nói tôi muốn làm gì thì làm, ông sẽ không lên Tòa để giải quyết.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chúng tôi có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh năm 2003 và Phạm Thảo H, sinh năm 2011. Chúng tôi tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:***  
Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện theo quy định tại điều 70, 72, 227, 228 của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Cuộc sống chung của ông bà T và ông T có mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì yêu cầu về ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn*” do bà Trịnh Thị T khởi kiện. Bị đơn Phạm Văn T cư trú tại Khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trịnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và tiến hành thủ tục niêm yết công khai, hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập cùng các văn bản của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa triệu tập ông T lên Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Việc ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng là đương nhiên từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3].Nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) ngày 19/11/2002. Căn cứ điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do vậy bà T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của bà T và ông T: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên bảo bà T hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ chung sống với ông T nhưng đến nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T vì bà cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có người phụ nữ khác bà T cũng đã làm đơn ly hôn tuy nhiên sau khi thụ lý đơn Tòa án đã hòa giải và bà T đã đồng ý rút đơn để ông T sửa đổi. Nhưng sau khi bà T rút đơn, ông T không những không thay đổi mà từ tháng 11/2018 đến nay ông T lại hay ghen tuông vô cớ, đập phá đồ đạc và đánh đập, rồi còn dọa nạt sẽ giết bà nên bà không thể chịu đựng thêm do vậy bà mong muốn được ly hôn. Đối với bị đơn ông Phạm Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án làm các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và biết được bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để thể hiện ý chí nguyện vọng hàn gắn gia đình cũng như đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của mình. Do vậy, căn cứ vào những tài liệu-chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận thấy bà T, ông T không còn yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và không có trách nhiệm chung với gia đình, trong cuộc sống chung của bà T và ông T có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình chung sống bà T và ông T có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh năm 2003 và Phạm Thảo H, sinh năm 2011. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, cho vay, nợ chung:* Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

**Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01 ngày 19/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Tây ( nay là Hà Nội)*)

[2]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về chia tài sản, cho vay và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000851 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Xoài.

[5]. Quyền kháng cáo: Bà T, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- UBND xã Trường Yên, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Mỹ Dung**